

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2020/HS-ST**  
Ngày 11- 9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Quý
2. Ông Huỳnh Văn Đường

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Văn Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

1/ Trần Văn Đ, sinh năm: 1995, tại Cà Mau;  
HKTT: Ấp B, xã A, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá (học vấn) 4/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ1 (đã chết) và bà Phan Thị T; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 07/11/2008 bị UBND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau ra quyết định đưa vào T5 giáo dưỡng số 1810/QĐ-UB-NC với thời hạn 24 tháng. Bị bắt tạm giữ ngày 09/6/2020, tạm giam từ ngày 15/6/2020 cho đến nay; có mặt.

2/ Nguyễn Thị Thu V (tên gọi khác: A), sinh năm 1990, tại: tỉnh Thừa T3 Huế.

HKTT: Ấp X, xã Q, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn) 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trần T1 và bà Nguyễn Thị G; Bị cáo có cH tên Lê Văn T2 (đã ly hôn) và có hai người con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 27/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “trộm cắp tài

sản” theo bản án số 59/2011/HSST. Bị bắt tạm giữ ngày 09/6/2020, tạm giam từ ngày 15/6/2020 cho đến nay; có mặt.

3/ Nguyễn Tấn T3 (tên gọi khác: H), sinh năm: 2000, tại tỉnh Đắk Lắk; HKTT: Thôn 2, xã T, Huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: Khu phố S, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn) 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Bá T4 và bà Nguyễn Thị Kim L; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Không. Bị bắt tạm giữ ngày 09/6/2020, tạm giam từ ngày 15/6/2020 cho đến nay; có mặt.

*Người bị hại:* Anh Nguyễn Trung T4, sinh năm: 1996. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố L, phường G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1988. Có mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

- Bà Phan Thị T, sinh năm: 1976. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Anh Trần Văn T5, sinh năm: 1992. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã Q, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 04/6/2020 Trần Văn Đ điều khiển xe mô tô Dream mang biển số 61H2-7646 chở theo sau Nguyễn Thị Thu V và Nguyễn Tấn T3 đi qua đường vòng sân bay thuộc khu phố A, phường B tới đoạn đối diện quán karaoke Thiên Kiều thì phát hiện xe mô tô LEXIM màu xanh, không mang biển số, số máy P50FMH-10444175; số khung LXCG20X-0232303 (theo giấy đăng ký mô tô, xe máy nói trên mang biển số 93F6-3760) do Trần Trung T4 hiện đang sử dụng và dựng trước cổng quán còn anh T4 đang ngồi ngủ bên cạnh nên Đ nảy sinh ý định lấy trộm xe bán lấy tiền trả tiền nhà trọ rủ V, T3 thì được V, T3 đồng ý. Đ điều khiển xe chở V và T3 lại chỗ dựng xe LEXIM, T3 đi bộ tới phát hiện xe LEXIM có cắm sẵn chìa khóa nên ngồi lên xe, đạp nổ máy điều khiển xe chạy đi. Ngay lúc này anh T4 phát hiện đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó Đ, T3, V cùng đi qua xã Q, huyện Lộc Ninh thuê phòng tại nhà nghỉ “79”. Sáng ngày 05/6/2020 T3, V tới tiệm sửa xe của Trần Văn T5 tại ấp T, xã Q, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước bán xe với giá 1.500.000đ. Số tiền này T3 trả tiền nhà nghỉ và tiền nước hết 600.000đ, T3 đưa cho Đ 400.000đ để trả tiền nhà trọ, còn 500.000đ T3 tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 08/6/2020 Đ, V, T3 cùng nhau tới Công an phường G đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Theo bản kết luận kết luận định giá tài sản số 18/HĐ.ĐGTSTTTHS.20 ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long

kết luận: Tại thời điểm ngày 04/6/2020 giá trị của 01 xe mô tô nhãn hiệu LEXIM màu xanh, không biển số, số máy P50FMH-10444175; số khung LXCG20X-0232303 có giá: 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn Đ).

Ngày 15/6/2020, Trần Văn Đ, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Tấn T3 bị khởi tố bị can để điều tra.

Bản cáo trạng số 63/CTr-VKS-PL ngày 24/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố Trần Văn Đ, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Tấn T3 về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Tấn T3 về Tội trộm cắp tài sản; các bị cáo Đ, V có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, người phạm tội đầu thú; bị cáo T3 có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội đầu thú.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo V từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T3 từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Lexim, dạng Wave, màu xanh, số máy P50FMH-10444175; số khung LXCG20X-0232303, biển số đăng ký 93F6-3760, do Trương Thị T6, sinh năm 1967, HKTT: ấp 5, thôn L, xã T, thị xã Phước Long đứng tên sở hữu. Sau đó bà T6 bán cho 01 người tên T7 không rõ nhân thân lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long chưa xác định rõ và tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau. Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đã ra Thông báo truy tìm chủ sở hữu số 1182 ngày 05/8/2020 và xem xét xử lý theo quy định.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Warm, dạng Dream, màu nâu, biển số đăng ký 61H2-7646 do Đoàn Thanh T8, HKTT: B68a, tổ 56, khu phố 5, phường T, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đứng tên sở hữu. Ngày 07/7/2020 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long đã có Công văn ủy thác số 1155 ngày 30/7/2020 cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương điều tra làm rõ nhưng đến nay chưa có kết quả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long chưa xác định rõ và tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

- Bị cáo Đ, V, T3 tự bào chữa: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với KSV.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, xin Hội Đ xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Vì mục đích tư lợi cá nhân nên vào ngày 04/6/2020, tại khu vực đường vòng sân bay thuộc khu phố A, phường B, thị xã Phước Long bị cáo Trần Văn Đ cùng Nguyễn Thị Thu V và Nguyễn Tấn T3 đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô LEXIM màu xanh, không mang biển số của Trần Trung T4. Tài sản bị chiếm đoạt trị giá là: 2.500.000 Đ. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố để cấu thành Tội trộm cắp tài sản, Viện kiểm sát truy tố và luận tội các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã cố ý thực hiện. Do đó, xét cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra là cần thiết, nhằm giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Đây là vụ án đồng phạm, trước khi thực hiện các bị cáo đã có thông mưu trước, thỏa thuận với nhau về hành vi phạm tội cùng tham gia thực hiện. Trong đó bị cáo Đ có vai trò là người khởi xướng, chủ động rủ T3 và V giúp sức để cùng thực hiện hành vi trót lọt, bị cáo T3 là người trực tiếp vào lấy trộm xe, bị cáo V, Đ cùng đứng ngoài cảnh giới. Sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo V và T3 là người đi tìm nơi tiêu thụ.

Tuy nhiên, xét về nhân thân của các bị cáo, vào năm 2011 bị cáo V bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” (theo bản án số 59/2011/HSST ngày 27/4/2011) nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, sửa chữa bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều này thể hiện bị cáo rất xem thường pháp luật nên trong vụ án này cần xử phạt bị cáo V mức án thật nghiêm và cao hơn so với bị cáo Đ và bị cáo T3 để răn đe, nâng cao ý thức đấu tranh phòng chống các tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu cho xã hội là điều cần thiết. Đối với bị cáo T3, do bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền

sự nên cần xử phạt bị cáo T3 mức án thấp hơn hai bị cáo còn lại để bị cáo có cơ hội sửa chữa bản thân, thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Đ có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: “Thành khẩn khai báo”, “người phạm tội ra đầu thú”; “người phạm tội đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại” được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo V có các tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo”, “người phạm tội ra đầu thú” được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T3 có các tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự”, “người phạm tội ra đầu thú” được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trần Trung T4 đã nhận số tiền bồi thường 3.000.000đ của gia đình bị cáo Đ và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Gia đình bị cáo V đã trả lại số tiền 1.500.000đ mà anh Trần Văn T5 đã mua chiếc xe do các bị cáo phạm tội mà có và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đồng thời, bà Phan Thị T (mẹ bị cáo Đ), chị Nguyễn Thị Thu H (chị gái bị cáo V) không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền đã bồi thường thay cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Lexim, dạng Wave, màu xanh, số máy P50FMH-10444175; số khung LXCG20X-0232303, biển số đăng ký 93F6-3760, do Trương Thị T6 đứng tên sở hữu mà các bị cáo chiếm đoạt. Do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long chưa xác định rõ nguồn gốc chiếc xe nên Hội Đ xét xử đề nghị Công an tiếp tục điều tra, xác minh để xem xét xử lý sau.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Warm, dạng Dream, màu nâu, biển số đăng ký 61H2-7646 do Đoàn Thanh T8 đứng tên sở hữu, các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội. Do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long chưa xác định rõ nguồn gốc chiếc xe nên Hội đồng xét xử đề nghị Công an tiếp tục điều tra, xác minh để xem xét xử lý sau.

[9] Đối với anh Trần Văn T5, khi mua xe anh T5 không biết đây là tài sản do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[10] Về quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội Đ xét xử nên được ghi nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 32, 38, 47, 50, 58 Bộ luật hình sự; các điều Điều 136, Điều 106, 331, 333 và 337 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Thị Thu V phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 32, 38, 47, 50, 58 Bộ luật hình sự; các điều Điều 136, Điều 106, 331, 333 và 337 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T3 phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T3 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

3. Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 11/9/2020).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Trần Ánh Nguyệt**